TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 16/2021/HNGĐ-ST.
Ngày**:** 11-6-2021
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

Bà Trần Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trương Thị T (C)**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh **Ngô Tấn P**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày**:

Chị và anh P quen biết nhau từ trước, được hai gia đình chấp thuận nên tổ chức đám cưới với nhau. Sau thời gian chung sống, đến ngày 06/6/2011 chị và anh P tự nguyện đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là thị xã N) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung tên Ngô Trương Bá T, sinh ngày 04/5/1998 và Ngô Trương Trúc T, sinh ngày 29/10/2000, hiện nay cả hai con đều trưởng thành và có gia đình riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau giữa chị và

anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong lối sống, anh P nhiều lần đánh chị. Hiện hai người đã ly thân với nhau từ tháng 12/2020 đến nay, sau khi ly thân thì cuộc sống của hai người không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy có cuộc sống riêng của mình. Nay chị không còn tình cảm gì với anh P nên không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Đối với việc anh P đánh chị và đập phá đồ thì chị không yêu cầu xem xét, giải quyết vì đã tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Ngô Tấn P;

- Về con chung: Do hiện nay hai con chung đều đã trưởng thành có gia đình riêng hết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Ngô Tấn P trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung. tài sản chung. Đối với cuộc sống giữa vợ chồng anh thì không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ cãi vã trong gia đình, nhiều lúc do bản tính nóng giận nên anh có đánh chị mấy bạt tay chứ không có đánh nhiều lần như chị T trình bày. Đồng thời, khi giận thì anh cũng có đập cái Tivi trong nhà. Hiện hai vợ chồng còn khoản nợ chung gồm: nợ bà Ngô Mỹ T 14.500.000 đồng, nợ bà Huỳnh Thị A 05 chỉ vàng 18K, bà Ngô Mỹ N 1.500.000 đồng. Do trước đây anh không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu.

Tại phiên hôm nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý. Riêng đối với số nợ thì anh yêu cầu chia ra để trả.

- Về con chung: Do hiện nay hai con chung đều đã trưởng thành có gia đình riêng hết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh P; về con chung, tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đồng thời bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P thống nhất cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/6/2011. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 39/2011 ngày 06/6/2011 (BL 13) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh P thường xuyên có hành vi bạo lực đối với chị, hiện giữa hai người đã ly thân từ tháng tháng 12 năm 2020 đến nay nên chị yêu cầu ly hôn với anh P. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống vợ chồng của chị T với P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh P cũng có hành bạo lực đối với chị T nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh P và kiên quyết xin ly hôn, anh P cũng đồng ý ly hôn với chị T. Căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận chị Trương Thị T được ly hôn với anh Ngô Tấn P.

[3] Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận có 02 người con chung tên Ngô Trương Bá T, sinh ngày 04/5/1998 và Ngô Trương Trúc T, sinh ngày 29/10/2000, hiện nay cả hai con đều trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Tấn P trình bày hiện còn nợ bà Ngô Mỹ T 14.500.000 đồng, bà Huỳnh Thị A 05 chỉ vàng 18K, bà Ngô Mỹ N 1.500.000 đồng anh yêu cầu chia đôi để trả. Xét thấy, từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn vẫn không có đơn phản tố để yêu cầu xem xét, giải quyết nợ chung. Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì phía bị đơn mới có đơn yêu cầu. Do đó, đối với yêu cầu của bị đơn là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*." nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Trong trường hợp sau này giữa nguyên đơn với bị đơn không thỏa thuận được việc trả nợ chung thì các đương sự sẽ được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 200, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Trương Thị T (C) được ly hôn với bị đơn anh Ngô Tấn P.

2. *Về con chung*: Các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, về nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Trương Thị T (C) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007691 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã L, thị xã N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn